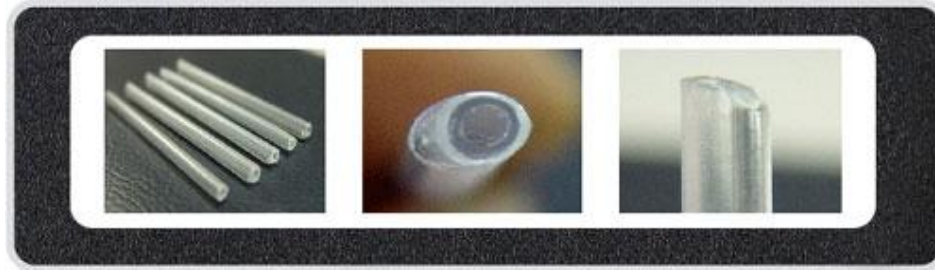


ỐNG CO NHIỆT

BẢO VỆ AN TOÀN MÔI HÀN SỢI QUANG



1- TÍNH NĂNG ĐẶC TRƯNG:

- Kết cấu chịu lực: Lõi thép không gỉ
- Dễ dàng sử dụng và lắp đặt nhanh.
- Bảo vệ an toàn cho môi hàn sợi quang sau khi hàn nối.
- Nhiệt độ và độ ẩm không phụ thuộc nhau.

2- CẤU TRÚC TIÊU CHUẨN:

- Có 3 lớp (Ống vỏ trong – Lõi inox chịu lực - Ống vỏ co nhiệt ngoài
- Ống vỏ trong : Vật liệu nhựa - chất dính dẻo Ethylene Vinyl Acetate (EVA Resin Adhesive)
- Ống vỏ ngoài : Tỷ lệ co 2:1 , Vật liệu nhựa trong polyolefin. Đảm bảo đường kính vỏ ngoài tất cả các loại ống co nhiệt sau khi kho nhiệt $\leq 3\text{mm}$

3- QUY CÁCH SẢN PHẨM

CHUNG LOẠI.	Lõi inox chịu lực (mm)	Đường kính vỏ trong/ độ dày (mm)	Đường kính vỏ ngoài / Độ dày (mm)	Chiều dài (mm)
HS60	$\Phi 1.5 * 55 \pm 0.3$	$1.8 \pm 0.5 / 0.5 \pm 0.1$	$3.0 \pm 0.5 / 0.17 \pm 0.05$	60 ± 0.5
HS40	$\Phi 1.5 * 38 \pm 0.3$	$1.8 \pm 0.5 / 0.5 \pm 0.1$	$3.0 \pm 0.5 / 0.17 \pm 0.05$	40 ± 0.4
HS60-2 (loại nhỏ)	$\Phi 1.0 * 55 \pm 0.3$	$1.5 \pm 0.5 / 0.5 \pm 0.1$	$2.5 \pm 0.5 / 0.17 \pm 0.05$	60 ± 0.5
HS40-2 (loại nhỏ)	$\Phi 1.0 * 38 \pm 0.3$	$1.5 \pm 0.5 / 0.5 \pm 0.1$	$2.5 \pm 0.5 / 0.17 \pm 0.05$	40 ± 0.4

4- BẢNG ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Nhiệt độ khi gia nhiệt – co nhiệt	$90^{\circ}\text{C} \sim 120^{\circ}\text{C}$	Độ ẩm tương đối hoạt động	$\leq 90\%$
Tỉ lệ co ngót nhiệt theo tâm (%)	$>50\%$	Độ bền điện môi (kV/mm)	≥ 20
Tỷ lệ co ngót nhiệt theo hướng trục (%)	$<3\%$	Độ bền kéo (Mpa)	20
Đặc tính chịu đựng nhiệt thấp	Không bị nứt ở -55°C sau 4 giờ	Suy hao ở -40°C	0.01dB
Nhiệt độ hoạt động bình thường ($^{\circ}\text{C}$)	$-40^{\circ}\text{C} \sim +65^{\circ}\text{C}$	Suy hao ở $+60^{\circ}\text{C}$, RH95%	0.01dB
Suy hao tại ống co nhiệt	Chênh lệch trước và sau khi co nhiệt	tại bước sóng 1550nm/1625nm	$\leq 0.05\text{dB}$